

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Phạm Thu Trang

Trường Đại học Khánh Hòa

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/10/2023

Ngày phản biện: 30/10/2023

Ngày duyệt đăng: 9/11/2023

Title:

Some solutions to enhance self-study ability for Vietnamese practice.

Từ khóa:

Năng lực, tự học, tiếng Việt thực hành.

Keywords:

Ability, self-study, Vietnamese Practice.

TÓM TẮT: *Nâng cao năng lực tự học của sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học, trong đó việc tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên là việc làm thường xuyên nhằm định hướng phát triển năng lực người học. Tự học đóng vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân, đặc biệt trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay. Đây là yếu tố quyết định đến kết quả học tập của sinh viên, có ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp đến chất lượng đào tạo của nhà trường. Vì vậy, làm thế nào để nâng cao năng lực tự học của sinh viên là câu hỏi luôn được đặt ra nhiều năm nay ở hầu hết các trường Đại học nói chung và trường Đại học Khánh Hòa nói riêng. Thông qua hoạt động dạy học, bài viết đề cập một số biện pháp nhằm nâng cao năng lực tự học cho SV khi học học phần tiếng Việt thực hành.*

ABSTRACT: *Improving the self-study ability of students is one of the important tasks to fundamentally and comprehensively innovate higher education, in which organizing self-study activities for students is a regular job in order to aim to develop learner ability. Self-studying plays an important role for each individual, especially in the current era of information explosion. This is a factor which decides student learning outcome, and has a huge and direct impact on the school's training quality. Therefore, how to improve students' self-study ability is a question that has been asked for many years at most universities in general and Khanh Hoa University in particular. Through teaching activities, the article mentions a number of measures to improve students' self-study ability when studying practical Vietnamese.*

1. Đặt vấn đề

Tiếng Việt thực hành là học phần rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên (SV) thuộc nhiều ngành nghề khác nhau tại nhiều trường đại học, trong đó có trường Đại học Khánh Hòa. Với thời lượng được rút ngắn xuống chỉ còn 30 tiết theo phương thức đào tạo tín chỉ (trước đây theo quy chế đào tạo niên chế, môn học tiếng Việt thực hành có dung lượng kiến thức gói gọn trong 60 tiết), môn học này đòi hỏi người giáo viên (GV) phải tinh giảm phần nội dung, chỉ nên đưa

vào đề cương môn học những vấn đề cốt lõi còn những phần nội dung liên quan gần GV hướng dẫn SV tự học. Bên cạnh đó, GV phải đổi mới về phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá, định hướng cho SV cách tiếp cận tri thức giúp SV thuần thục các kỹ năng cơ bản.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Thực trạng năng lực tự học môn tiếng Việt thực hành của sinh viên

Tiếng Việt thực hành là học phần được

giảng dạy cho SV thuộc nhiều ngành nghề khác nhau tại trường Đại học Khánh Hoà. Đây là học phần bắt buộc đối với ngành đào tạo Sư phạm Ngữ văn, là môn học cơ sở của các ngành Sư phạm Toán, Vật lý, Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Việt Nam học, Văn học, Sinh học ứng dụng được liệu [2]. Có khá nhiều SV ban đầu chủ quan khi xem nhẹ về vai trò của tiếng Việt thực hành vì cho rằng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, kiến thức tiếng Việt họ đã am tường khi học ở các bậc học phổ thông. Sau khi làm các bài tập, SV đã nhận thấy bản thân họ còn hạn chế nhiều về kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp nói chung cũng như có thái độ cân nhắc, cẩn trọng hơn khi sử dụng tiếng Việt và thêm trân trọng, yêu quý, gìn giữ, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

Qua thực tiễn giảng dạy, chúng tôi nhận thấy việc tự học môn tiếng Việt thực hành của SV nhìn chung chưa được thực hiện tốt. Có thể nói nhiều SV chưa nhận thức được đúng đắn về sự cần thiết của hoạt động tự học. SV chưa tự giác, tích cực, chủ động chiếm lĩnh tri thức cho mình mà còn thụ động, phụ thuộc nhiều vào những gì GV dạy, không có nhu cầu mở rộng hiểu biết, phát huy sáng tạo, đào sâu kiến thức. Một số ít SV có ý thức tự học thì kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin phục vụ nhiệm vụ học tập còn yếu. Phương pháp tự học theo kiểu đối phó, học để thi vẫn còn phổ biến. Những biểu hiện cụ thể như phần đông SV chưa nắm được phương pháp tự học, chưa có thói quen chuẩn bị nội dung cho lần lên lớp kế tiếp, chưa làm bài tập ở nhà. Do chưa chuẩn bị kỹ bài nên vấn đề đặt câu hỏi, hoặc đề nghị giải đáp những thắc mắc đối với GV trên lớp của nhiều SV rất ít khi xảy ra. Những SV này chỉ đợi đến giờ lên lớp là vào học và chỉ học những gì GV cung cấp trên lớp, không biết hệ thống hóa kiến thức đã học mà chỉ khi GV tóm tắt vấn đề thì SV mới hiểu được. Nhiều SV chưa hình thành thói quen đọc sách, rất hiếm khi đến thư viện

đọc sách, mượn sách cũng như chưa biết cách tra cứu tài liệu trên internet, chưa biết cách thu thập và xử lý thông tin để thu được những kiến thức cần thiết và hiệu quả. Trong hoạt động nhóm, SV chưa thực sự tích cực trong làm việc nhóm, chưa phát huy được tính tự giác trong học tập. Phần đông SV thụ động, không hăng hái tham gia thảo luận vì ngại phát biểu trước đông người.

Có nhiều nguyên nhân khác nhau làm cho kết quả tự học của SV chưa cao. Có thể chỉ ra một số nguyên nhân như:

Chất lượng đầu vào của phần lớn SV đang theo học các ngành nhìn chung còn hạn chế về trình độ và chưa “thoát” ra được cách học chủ yếu là ghi chép từ cách dạy thiên về truyền thụ kiến thức ở bậc phổ thông.

Điều kiện kinh tế của SV phần lớn SV còn nhiều khó khăn, nhất là những SV ở vùng sâu vùng xa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. SV phải đi làm thêm nên thời gian đọc sách, tự học không nhiều. Trong khi đó, theo quy định đào tạo tín chỉ, cứ 1 tiết học trên lớp tương ứng với 2 tiết SV tự học, theo đó 30 tiết của môn học tiếng Việt thực hành trên lớp tương ứng với 60 tiết SV phải tự học ở nhà.

Một số SV chưa thực sự tâm huyết với ngành mình theo học, tâm lý hoang mang, mất niềm tin vào tương lai dẫn đến thái độ thiếu nghiêm túc, lơ là việc học.

Thói quen ỷ lại, dựa dẫm của SV, một phần do cách đánh giá của GV chưa sát sao, thiếu công bằng nên chưa phát huy được tính tích cực, tự giác trong quá trình học của SV. Hình thức kiểm tra-đánh giá chưa phản ánh đúng tinh thần tự học của SV, GV còn lúng túng trong việc đánh giá SV.

GV chưa thực sự quan tâm đến vấn đề tự học của SV. Cụ thể là trong thiết kế đề cương môn học, GV chưa chú trọng và quan tâm đúng mức đến vấn đề tự học, chưa cụ thể hóa những câu hỏi và định hướng tự học rõ ràng trong đề cương môn học, yêu cầu SV tự học

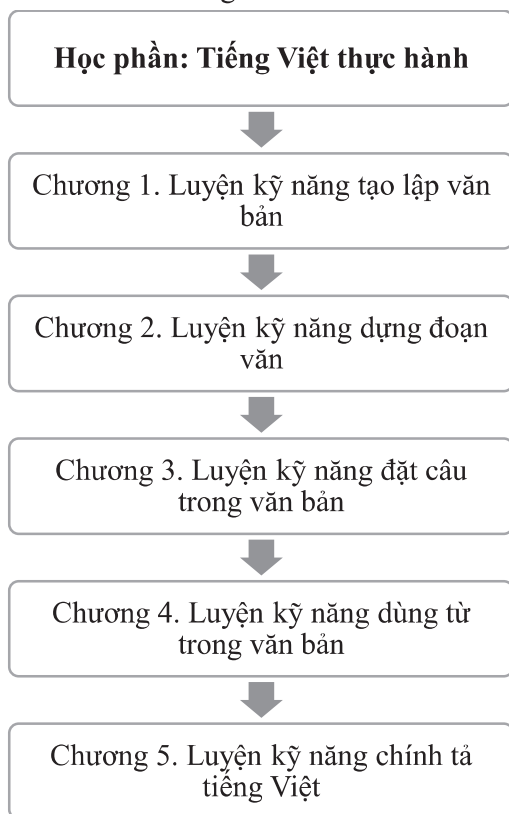
còn chung chung, sơ sài.

2.2. Một số biện pháp nâng cao năng lực tự học học phần tiếng Việt thực hành cho sinh viên

2.3.1. Tổng quan về học phần tiếng Việt thực hành

Học phần tiếng Việt thực hành có mục tiêu cơ bản là rèn luyện và nâng cao các kỹ năng sử dụng tiếng Việt, trong đó chú trọng các kỹ năng thuộc quá trình tạo lập văn bản dưới dạng ngôn ngữ viết (như kỹ năng lập đề cương văn bản, kỹ năng lập luận, kỹ năng xây dựng đoạn văn, kỹ năng đặt câu, dùng từ, viết chữ...). Vì vậy, SV cần xác định cho đúng động cơ và tinh thần học tập. SV học tập học phần này không phải là chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân, mà đồng thời còn hướng đến việc rèn luyện năng lực ngôn ngữ cho học sinh sau này (đối với SV ngành Sư phạm).

Theo đó, nội dung của môn học này được chia thành 5 chương theo sơ đồ sau:



Hình 1. Cấu trúc nội dung học phần tiếng Việt thực hành [4]

Sự sắp xếp của các chương theo cấp độ từ toàn văn bản đến đến các cấp độ thấp hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ là cách sắp xếp phù hợp nhất với thực tế tự nhiên của hoạt động giao tiếp bằng văn bản. Hơn nữa, sự sắp xếp như vậy cũng gợi nhắc SV lưu ý rằng nói đến việc dựng đoạn văn, việc viết câu, việc dùng từ hay việc viết chữ thì không nên tách rời khỏi chỉnh thể chung là văn bản. Chẳng hạn, việc xác định một câu là đúng hay sai không thể chỉ xem xét bản thân nó một cách độc lập mà còn cần đặt trong chỉnh thể chung là văn bản–sản phẩm và cũng là phương tiện của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2.3.2. Biện pháp nâng cao năng lực tự học học phần tiếng Việt thực hành cho sinh viên

Để tiếp cận năng lực chuẩn đầu ra ngoài việc lấy người học làm trung tâm, GV phải là người hướng dẫn, định hướng cho SV con đường và biện pháp chiếm lĩnh tri thức, hướng dẫn SV thực hành hiệu quả để nâng cao các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Toàn bộ những dự kiến của GV được thể hiện qua việc xây dựng đề cương chi tiết học phần và công khai cho SV biết để SV có kế hoạch tự học. Việc xây dựng đề cương môn học phải được tập trung chủ yếu vào các hoạt động của SV và cách tổ chức các hoạt động đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự bộc lộ và phát triển tiềm năng của mỗi SV, qua đó giúp SV nâng cao năng lực tự học của chính mình.

Thứ nhất, khi xây dựng đề cương môn học, ngoài việc đưa ra mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, GV cần phải thể hiện rõ mối quan hệ giữa mục tiêu học phần (COs) và chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) đã công khai cam kết theo các mức độ từ 1-5 thang trình độ năng lực.

Thứ hai, GV cần xác định năng lực người học theo từng chương hay nội dung cụ thể nhằm định hướng cho SV tự học, tự nghiên cứu.

Cụ thể, chương 1 (Tạo lập văn bản) của học phần có thể xác định năng lực SV cần đạt như sau:

Bảng 1. Năng lực cần đạt của SV

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(2 tiết)	Chương 1. Tạo lập văn bản 1. Những yêu cầu chung của một VB 2. Các bước tạo lập văn bản	CLO1 Trình bày lại khái niệm văn bản, đặc trưng của văn bản, các bước xây dựng văn bản, từ đó vận dụng thực hành kỹ năng tạo lập văn bản, trong đó chú trọng kỹ năng xây dựng đề cương văn bản.

Từ kết quả xác định này và dựa vào những yêu cầu về khả năng, kỹ năng mà SV cần đạt để thiết kế nội dung học phần theo từng mô đun. Đây là bước rất quan trọng để tổ chức triển khai đào tạo, đo lường và đánh giá kết quả theo chuẩn năng lực đầu ra của học phần, qua đó định hướng người học tự học theo hướng tiếp cận năng lực.

Thứ ba, để nâng cao hiệu quả hoạt động tự học môn Tiếng Việt thực hành, GV cần định hướng cho SV hình thành các kỹ năng như: thu thập và xử lý thông tin, đọc sách, thảo luận và làm việc nhóm, tự kiểm tra và đánh giá...

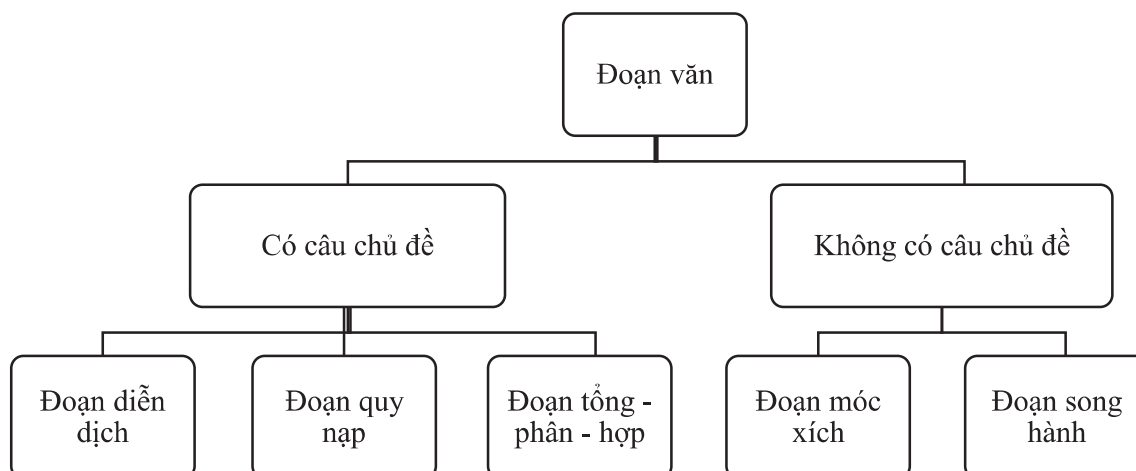
Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin: Đối với học phần tiếng Việt thực hành, khối lượng kiến thức tương đối nhiều, các nguồn tài liệu trên internet cũng phong phú. Vì vậy GV cần hướng dẫn, giúp SV hình thành khả năng tìm kiếm, phát hiện, khai thác các tài

liệu. Cụ thể GV cung cấp cho SV tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, đồng thời hướng dẫn cách thức tìm kiếm tài liệu. Trên cơ sở đó, SV sẽ tìm kiếm, phát hiện các nguồn tài liệu ở thư viện, nhà sách, internet. Bước này sẽ rèn luyện cho SV cách thức phát hiện, tìm kiếm nguồn học liệu, kỹ năng sử dụng internet, thư viện điện tử... Từ đó SV có thể hình thành hồ sơ học liệu liên quan đến học phần.

Kỹ năng đọc sách: GV hướng dẫn SV có thể sử dụng nhiều phương pháp đọc sách khác nhau đọc lướt qua, đọc có trọng điểm, đọc kỹ nghiền ngẫm kỹ... Một biện pháp đọc để nhớ lâu là mô hình hóa các nội dung đã đọc bằng cách sắp xếp chúng theo bản đồ trí tuệ (mind map). Khi xây dựng được bản đồ trí tuệ có nghĩa là chúng ta đã hệ thống hóa toàn bộ nội dung đã đọc và giải thích được mối liên hệ giữa chúng với nhau. GV cần phải tiến hành kiểm tra việc đọc của SV. Để thực hiện điều này, GV nên yêu cầu SV hệ thống hóa kiến thức đọc được bằng mô hình. Ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng là một hệ thống lớn bao hàm trong lòng nó nhiều hệ thống nhỏ có tính cấp bậc, tầng bậc. Việc tái hiện kiến thức về tiếng Việt bằng mô hình có tác dụng rất lớn trong việc rèn luyện năng lực khái quát hóa vấn đề của SV. Đồng thời qua mô hình, SV dễ dàng nắm được những đơn vị ngôn ngữ cụ thể và nhận ra được mối quan hệ giữa các đơn vị đó.

Việc yêu cầu SV hệ thống hóa kiến thức đọc được bằng mô hình rất tiện cho GV kiểm tra việc đọc của SV mà không mất nhiều thời gian. Khi đi vào từng nội dung cụ thể, GV yêu cầu SV chốt nội dung đó bằng mô hình.

Ví dụ: Khi tìm hiểu về cấu trúc của đoạn văn, SV có thể chốt lại theo sơ đồ ở hình 2.



Hình 2. Cấu trúc đoạn văn [4]

Kỹ năng thảo luận và làm việc nhóm: Trên cơ sở nguồn tài liệu SV thu thập được, GV sẽ hướng dẫn, tổ chức cho SV tự học thông qua thảo luận, làm việc nhóm, tiếp nhận ý kiến của các nhóm nhằm có những đánh giá khách quan, phù hợp. Biện pháp này giúp SV có thông tin đa chiều, biết chọn lọc và xử lý thông tin hợp lý, biết làm việc trong tương tác với SV khác, nâng cao kỹ năng phân tích, phản biện.

Kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá: Trong đề cương chi tiết học phần, GV phải lập các tiêu chí và thang điểm đánh giá, để SV có căn cứ tự đánh giá chung. Dựa vào đó, SV có thể đối chiếu, so sánh với mục tiêu, yêu cầu để có thể trao đổi với GV, qua đó tự đánh giá và hoàn thiện kế hoạch tự học. Thông qua đề cương chi tiết học phần, SV có năng lực tự điều chỉnh hoạt động tự học của mình để đạt mục tiêu học tập đề ra. Ví dụ bảng sau:

Bảng 2. Tiêu chí và thang điểm đánh giá

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
<i>Quá trình</i>	Thể hiện tính chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Suốt quá trình học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	50%
Chuyên cần	SV tham dự đầy đủ các buổi học. Vào lớp đúng giờ. Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học, có ý thức tham gia xây dựng bài Chủ động tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Suốt quá trình học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	10%
Thảo luận, Thực hành	Thái độ tích cực phát biểu, trao đổi Hoàn thành đầy đủ bài GV yêu cầu	Suốt quá trình học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	10%

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
Kiểm tra giữa kỳ	Theo yêu cầu của GV	Đánh giá qua bài kiểm tra	CLO7, CLO8 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	30%
Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Viết (Được sử dụng tài liệu) Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án.	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	50%

Thứ tư, thông qua việc tổ chức hoạt động tự học, GV có thể đưa ra một số hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực của từng SV. Cụ thể:

Đánh giá qua quan sát: thông qua quan sát các thao tác, động cơ, các hành vi, kỹ năng thực hành và kỹ năng nhận thức cũng như cách giải quyết vấn đề trong một tình huống cụ thể của SV. Tinh thần, thái độ học tập của SV nghiêm túc hay không nghiêm túc, có chủ động trong việc phát biểu xây dựng bài hay không ... là một trong những tiêu chí để GV đánh giá SV thông qua quan sát khi SV học môn tiếng Việt thực hành trên lớp.

Đánh giá kết quả học tập thông qua các bài tập được giao, các tình huống có vấn đề được nêu trên lớp.

Đánh giá đồng đẳng là một quá trình trong đó các nhóm SV cùng lớp sẽ đánh giá công việc lẫn nhau hoặc một SV này có thể đánh giá SV kia trên cơ sở GV đã thống nhất kết quả đáp án.

Thứ năm, GV cần xây dựng hệ thống bài tập phong phú, đa dạng, vừa sức để rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho SV đồng thời đổi mới phương pháp dạy học để phát huy vai trò tích cực, chủ động, sự hứng thú trong học tập của SV.

Để phát huy vai trò chủ động, tích cực trong việc rèn kỹ năng, chiếm lĩnh tri thức, GV cần đầu tư thời gian, công sức và tâm huyết để xây dựng một hệ thống bài tập phong phú, đa dạng. Căn cứ vào chuẩn đầu ra của môn học (CLO), GV xây dựng hệ thống

bài tập (ngân hàng câu hỏi) để khảo thí, đánh giá người học đạt chuẩn đầu ra môn học. Theo đó, hệ thống bài tập tiếng Việt thực hành phải cung cấp nhiều kiểu loại bài tập phục vụ cho 5 chương của môn học theo trình tự các chương, bao gồm các bài tập trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan. Các bài tập này được chọn lọc từ các giáo trình tiếng Việt thực hành, bên cạnh đó bổ sung thêm các bài tập GV tự sưu tầm mang tính vừa sức và thực tiễn cao. Chẳng hạn, trong chương Tạo lập văn bản (buổi 1, 2 tiết) có chuẩn đầu ra SV cần đạt được như sau: Trình bày lại khái niệm văn bản, đặc trưng của văn bản, các bước xây dựng văn bản, từ đó vận dụng thực hành kỹ năng tạo lập văn bản, trong đó chú trọng kỹ năng xây dựng đề cương văn bản. Theo đó, có thể thiết kế một trong những dạng bài tập sau đây:

Xây dựng đề cương (dàn ý) cho văn bản bàn về vấn đề gì đó.

Xây dựng đề cương từ một văn bản cho sẵn.

Xác định đề tài, chủ đề, chủ đề chung, chủ đề bộ phận của văn bản.

Phân tích tính mạch lạc của văn bản.

Tim các phép liên kết trong văn bản (đoạn văn).

Xác định chủ đề chung, chủ đề bộ phận của câu luận đề (phần Mở đầu của văn bản)

Một số ví dụ:

Bài tập 1. Xây dựng đề cương cho văn bản bàn về một trong các vấn đề sau [4]:

Bảo vệ rừng tự nhiên.

Học đi đôi với hành.

Vai trò người phụ nữ trong sự phát triển xã hội ngày nay.

Những tiện ích và phiền toái của lối sống công nghiệp.

Du lịch và vấn đề giao lưu, phát triển văn hóa.

Vấn đề học tập và rèn luyện đạo đức của thanh niên ngày nay.

Tuổi trẻ trước cơ hội và thách thức của tương lai.

Những tồn tại của ngành giáo dục hiện nay.

Bài tập 2. Xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận của văn bản qua các luận đề sau đây:

Có lẽ trên thế giới hiếm có một đất nước nào vừa thật đa dạng mà cũng vừa thật thống nhất như In-đô-nê-xi-a. Sự đa dạng và thống nhất ấy được biểu hiện trên nhiều tố: từ địa hình, khí hậu tới thành phần dân tộc, từ đời sống con người đến lịch sử văn hóa [3].

Trong báo cáo khoa học này, chúng tôi muốn khảo sát ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam trên hai lĩnh vực: văn hóa và ngôn ngữ.

Ở các chương tiếp theo, việc thiết kế các dạng bài tập viết đoạn văn, viết câu, dùng từ hay viết chữ GV không nên tách rời khỏi chính thể chung là văn bản. Bởi vì việc xác định một đơn vị ngôn ngữ hay một phát ngôn đúng hay sai không chỉ xem xét bản thân nó một cách độc lập mà cần phải đặt trong chính thể chung. Chẳng hạn, với dạng bài tập điền từ, SV chỉ có thể tìm được từ đúng khi đã hiểu toàn bộ nội dung của văn bản, nắm vững đề tài, chủ đề, từ đó “khoanh vùng” để tìm từ thích hợp thuộc lĩnh vực văn bản đề cập.

Ví dụ:

Bài tập. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong văn bản dưới đây:

“Một số.....để thành đạt trong.....là: Mọi lời khen chê đều hết sức quý giá và phải

nghe, song sự lựa chọn của..... mới là sự phán xét cuối cùng

Nếu bạn muốn tham gia vàokinh doanh, trước hết bạn cần nhớ rằng chínhtrả lương cho nhân viên chứ không phải là.....

.....thành đạt là những người rất trung thực trong quan hệ với tất cả mọi người, đặc biệt với.....của họ.”

Những bài tập này cũng là nguồn ngữ liệu để GV yêu cầu SV thực hiện nhằm hình thành những kiến thức lí thuyết cần thiết. Sau đó, các kiến thức lí thuyết đó lại được vận dụng vào luyện tập thực hành các bài tập khác để nâng cao các kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Để tăng cường sự hứng thú cho người học, nguồn ngữ liệu thực hành luyện tập GV có thể lấy ngay từ các “sản phẩm” hết sức phong phú của SV. Chẳng hạn phần rèn kỹ năng phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, GV có thể lấy từ các bài viết hay đoạn văn mà SV đã thực hiện trước đó để chỉ ra các lỗi sai và yêu cầu SV sửa.

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống bài tập với sự phân loại cho phù hợp với việc rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt, GV cần áp dụng phương pháp giảng dạy cho phù hợp phương châm của môn học. GV cần ưu tiên sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực hóa hoạt động của người học như các phương pháp luyện tập thực hành, đàm thoại, trực quan, thảo luận nhóm.

Chính vì hướng tới mục tiêu rèn luyện và nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt mà đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo phương châm thực hành. Học phần tiếng Việt thực hành không đặt việc cung cấp kiến thức lí thuyết làm mục tiêu hàng đầu, chính yếu mà thông qua thực hành để hình thành những kiến thức lí thuyết cần thiết, ngược lại các kiến thức lí thuyết cần thiết đó lại được vận dụng vào luyện tập thực hành để nâng cao các kỹ năng sử dụng. Để nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt, con đường chiếm lĩnh tri thức và rèn kỹ năng nhanh nhất, hiệu quả nhất là SV chăm chỉ luyện tập thực hành dưới sự

hướng dẫn của GV.

Với phương pháp đàm thoại, khác với diễn giảng, đàm thoại có sự tham gia tích cực của SV vào việc tìm hiểu, xây dựng bài. Phương pháp dạy học này được xây dựng trên cơ sở các câu hỏi và các câu trả lời. Ưu điểm của phương pháp này ở chỗ thu hút được phần lớn SV trong lớp cùng tích cực làm việc để rèn luyện kỹ năng.

Hay như việc sử dụng phương pháp trực quan, bằng việc cung cấp ngữ liệu, GV sẽ giúp SV biết phát hiện những tình huống sử dụng tiếng Việt có vấn đề, từ đó biết giải quyết vấn đề và quy nạp để hình thành đơn vị kiến thức mới. Chẳng hạn, khi giảng dạy phần chữa lỗi sai về dùng câu, dùng từ trong văn bản, GV có thể lấy các ngữ liệu trong thực tiễn cuộc sống sinh động, trong đó có nguồn là một số bài báo trong nước được thể hiện qua cách dùng từ, đặt câu, cách đặt tiêu đề bài báo chưa phù hợp, có sai sót về chính tả, dùng từ, đặt câu... và yêu cầu SV phát hiện, chỉ ra lỗi sai đó. Trong thực tế giảng dạy, phương pháp này được SV đón nhận rất hào hứng, qua đó rèn cho SV thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong cách dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn, tạo lập và lĩnh hội văn bản.

Phương pháp thảo luận nhóm cũng cần được chú ý vận dụng khi giảng dạy môn học tiếng Việt thực hành. Chẳng hạn như để rèn cho SV kỹ năng đặt câu và dùng từ trong văn bản, GV có thể cung cấp cho SV các dạng bài tập như chữa lỗi câu, chữa lỗi dùng từ hoặc điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn, văn bản. GV giao các nhiệm vụ trên cho các nhóm chia theo đơn vị tổ hay dãy bàn với

số lượng thành viên trong nhóm khoảng 6-8 SV, đồng thời phân công các nhóm trưởng của mỗi nhóm điều khiển nhóm làm việc trong một khoảng thời gian nhất định. Kết thúc thời gian thảo luận, các nhóm trưởng báo cáo kết quả, GV sẽ là trọng tài phân xử và công bố đáp án chính xác.

3. Kết luận

Để nâng cao năng lực tự học của SV, chúng tôi đã đưa ra một số biện pháp trong phạm vi một học phần cụ thể - học phần Tiếng Việt thực hành. Tự học là yếu tố quyết định đến kết quả học tập của SV, có ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp đến chất lượng đào tạo của nhà trường. Trong thời đại giáo dục cạnh tranh như hiện nay, chất lượng đào tạo là vấn đề then chốt, quyết định sự sống còn của các trường đại học, trong đó yếu tố tự học, tự nghiên cứu của SV đóng vai trò quan trọng hàng đầu.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu. (2008). *Tự học của sinh viên*, Nxb Giáo dục.
2. Trường Đại học Khánh Hoà. (2022). *Kế hoạch đào tạo các ngành trình độ đại học chính quy áp dụng từ khoá 7 (2022-2026)*, Ban hành theo Quyết định số 601/QĐ-ĐHKH ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khánh Hoà .
3. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng. (1998). *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.
4. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh. (2004). *Tiếng Việt thực hành*. NXB Đại học Sư phạm.